

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán với thanh khoản đi ngang

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm trái chiều với diễn biến của chỉ số VN30

[Thông tin doanh nghiệp]

VEA, STB

[Cập nhật công ty]

TCB, VIC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chỉ mở mua mới quanh các vùng hỗ trợ đối với các mã mục tiêu nhưng không chế tỷ trọng ở mức an toàn.

01/11/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,033.75	+0.57
VN30	1,038.09	+1.10
HĐTL VN30F1M	1,018.00	-0.59
HNXIndex	212.36	+0.92
HNX30	352.58	+2.20
UPCoM	76.49	+0.26
USD/VND	24,869	+0.12
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.95	+0
Lãi suất qua đêm (%)	5.81	+76
Dầu (WTI, \$)	88.01	+1.71
Vàng (LME, \$)	1,648.52	+0.92



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,033.75 (+0.57%)
KLGD (triệu CP) 614.0 (+14.3%)
GTGD (triệu US\$) 429.9 (-6.5%)

HNXIndex 212.36 (+0.92%)
KLGD (triệu CP) 249.8 (+351.9%)
GTGD (triệu US\$) 29.0 (+1.0%)

UPCoM 76.49 (+0.26%)
KLGD (triệu CP) 21.0 (+11.4%)
GTGD (triệu US\$) 10.6 (+4.0%)

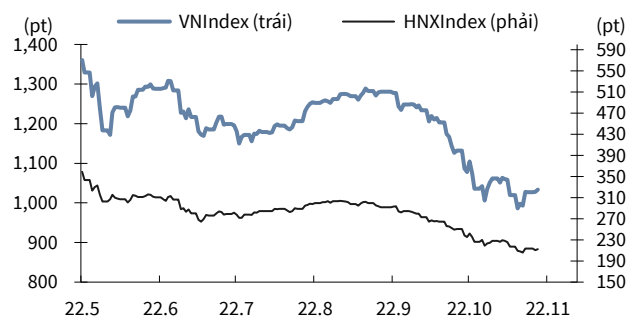
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -30.6

TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán với thanh khoản đi ngang. Khối ngoại tiếp tục bán ròng, tập trung ở HPG (-4.5%), KBC (0%), STB (+4.6%). PMI trong tháng 10/2022 giảm xuống 50.6 điểm so với mức 52.5 điểm trong tháng 9/2022 cho thấy, và là mức thấp nhất trong 13 tháng gần đây.

Hiệp hội Công nghiệp Gang thép Trung Quốc (CISA) đề xuất chính phủ nới lỏng các biện pháp kiểm soát xuất khẩu thép và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa xuất khẩu có giá trị gia tăng cao khi nhu cầu thép của Trung Quốc vẫn thấp. Thông tin trên tác động tiêu cực đến cổ phiếu thép ở NKG (-4.8%), HPG (-4.2%).

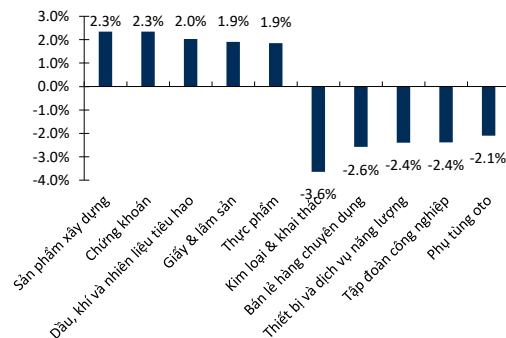
Theo Tổng cục thống kê, hoạt động vận tải trong T10/2022 tăng trưởng tích cực cả về vận tải hành khách và hàng hóa so với cùng kỳ năm trước, trong đó vận chuyển hàng hóa tăng 32.9% và luân chuyển hàng hóa tăng 40.1% giúp cổ phiếu vận tải tăng giá ở VSC (+0.1%), ASG (+3.1%).

VNIndex & HNXIndex



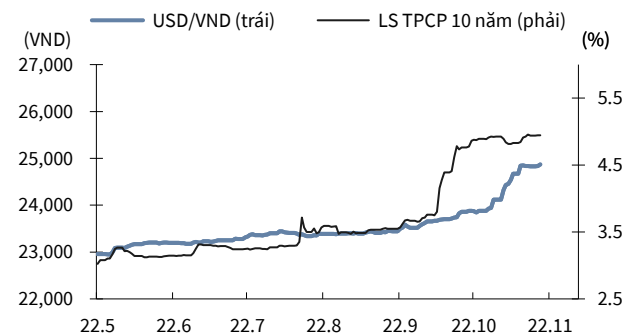
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



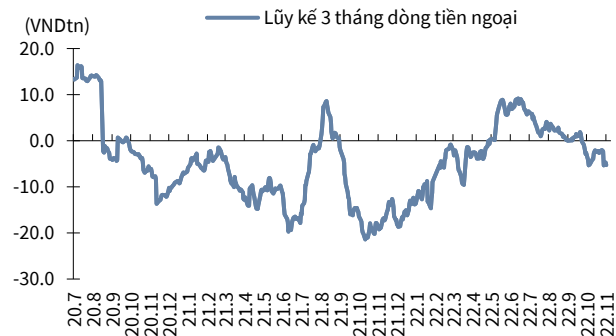
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

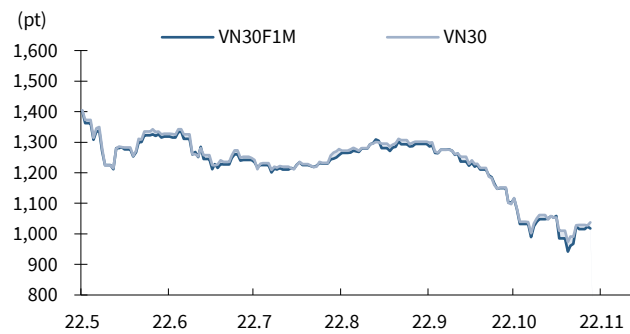
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,038.09 (+1.10%)
VN30F1M	1,018.0 (-0.59%)
Mở cửa	1,030.1
Cao nhất	1,047.0
Thấp nhất	1,018.0

Các HĐTL giảm điểm trái chiều với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch F2211 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức 11.86 điểm, sau đó thu hẹp dần biên độ và biến động trong mức âm trong phiên, đóng cửa ở mức thấp nhất ngày -20 điểm cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước diễn biến tăng của thị trường cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ trong phiên hôm nay.

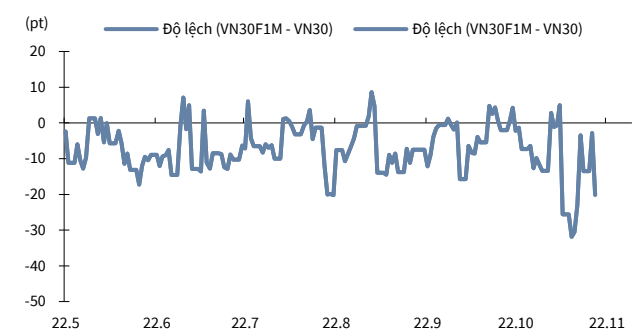
KLGD (HĐ) **477,343 (-1.1%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



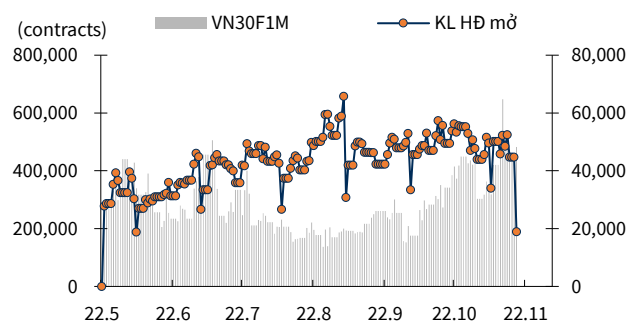
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



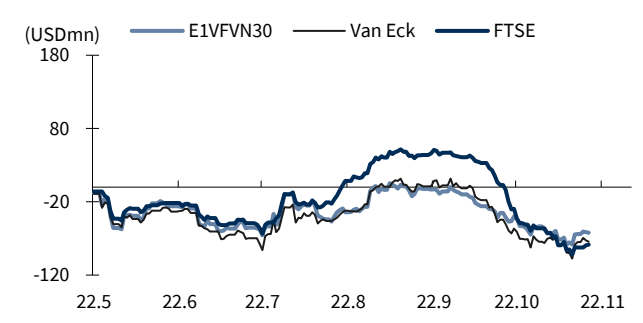
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

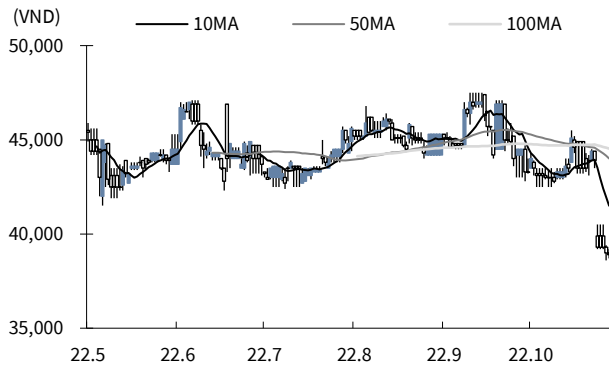
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP (VEA)

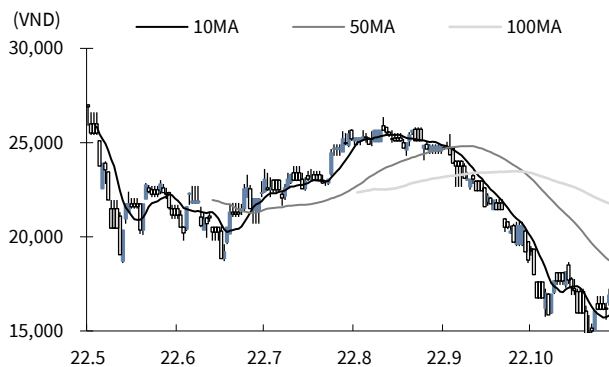


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VEA tăng 0.26% lên 38,900 VND/cp

- Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam – VEAM công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2022 với lợi nhuận sau thuế 1,919 tỷ đồng, gấp gần 2.6 lần cùng kỳ năm trước và doanh thu thuần 1,232 tỷ đồng, tăng 55% YoY. Lợi nhuận chủ yếu đến từ lãi công ty liên doanh, liên kết 1,726 tỷ đồng, gấp gần 3 lần so với cùng kỳ năm trước và doanh thu tài chính đạt 226 tỷ đồng, tăng 36% YoY.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- STB tăng 4.64% lên 16,900 VND/cp

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín công bố báo cáo tài chính quý III với lợi nhuận tăng trưởng gần 89% so với cùng kỳ đạt 1,211 tỷ đồng trước thuế, trong đó, thu nhập lãi thuần đạt 5,762 tỷ đồng (+74% YoY). Tính đến cuối quý 3, tăng trưởng tín dụng đạt 8.5% và tăng trưởng huy động đạt 7.1%.

COMPANY REPORT



Techcombank (TCB)

Cảm nhận áp lực từ lãi suất tăng

Chuyên viên Phân tích Tài chính

Nguyễn Đức Huy

huynd1@kbsec.com.vn

1/11/2022

3Q2022, LNTT tăng 20.7%YoY, đạt 6,715 tỷ VND.

TCB ghi nhận thu nhập lãi thuần quý 3 đạt 7,565 tỷ VND (-2.9%QoQ và +12.2%YoY), thu nhập ngoài lãi đạt 2,773 tỷ VND (-14.1%QoQ và +36.2%YoY). TCB trích 609 tỷ chi phí dự phòng cho quý 3 (+46%QoQ và +3.4%YoY). Chi phí hoạt động được tiết giảm bù đắp cho mức tăng trong chi phí dự phòng, nhờ đó ngân hàng chỉ ghi nhận giảm LNTT giảm nhẹ 8.3%QoQ và vẫn tăng 20.7%YoY. Lũy kế 9T2022, LNTT đạt 20,821 tỷ VND (+21.7%YoY), hoàn thành 77% kế hoạch năm.

NIM tiếp tục ghi nhận xu hướng giảm, đạt 5.22%

Lợi suất bình quân từ hoạt động cho vay cải thiện khoảng 0.3 điểm % QoQ nhờ đẩy mạnh cho vay bán lẻ cùng khả năng trả nợ của các khách hàng được tái cơ cấu quay trở lại. Tuy nhiên, lãi suất bình quân đầu vào tăng tới 0.61 điểm % QoQ do lãi suất huy động từ thị trường 1 và 2 tăng cao. NIM Q3 giảm 0.26 điểm % còn 5.22%

Tăng trưởng cho vay vẫn khả quan trong khi tiền gửi gặp khó khăn

Trong bối cảnh room tín dụng eo hẹp ngân hàng đã phải bán bớt danh mục trái phiếu doanh nghiệp để có room đẩy mạnh core cho vay. TPDN giảm tới 30.5%YTD trong khi cho vay tăng tốt ở mức 18.2%. Ngân hàng chủ yếu huy động vốn từ thị trường 2 sau 9T (59.3%YTD) trong khi tiền gửi tăng khiêm tốn 1.3% so với đầu năm

Tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành

Tỷ lệ nợ xấu 3Q2022 tăng 5bps QoQ lên mức 0.65%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm 6.6 điểm % so với quý trước xuống còn 165%. Ngân hàng còn khoảng 400 tỷ nợ tái cơ cấu đã được đưa về đúng nhóm nợ và không có quá nhiều ảnh hưởng tới NPL.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 34,200 VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi điều chỉnh mức giá mục tiêu cho năm 2022 của cổ phiếu TCB xuống 34,200 VND/cp, cao hơn 39.0% so với giá tại ngày 31/10/2022. Khuyến nghị MUA.

MUA

Giá mục tiêu	VND 34,200
Tăng/giảm	39.0%
Giá hiện tại (29/10/2022)	24,400
Giá mục tiêu thị trường	52.500
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	125,690

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	18,751	26,699	31,231	36,492
LN trước CF DPRRTD (tỷ VND)	18,411	25,903	30,625	36,302
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	12,325	18,052	22,468	26,314
EPS (đồng/cổ phiếu)	3,515	5,137	6,375	7,452
Tăng trưởng EPS (%YoY)	22.4%	46.1%	24.1%	16.9%
PER (x)	8.95	9.71	5.36	4.59
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,392	25,476	31,508	39,171
PBR (x)	1.54	1.96	1.08	0.87
ROE (%)	18.4%	22.0%	22.0%	20.7%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%

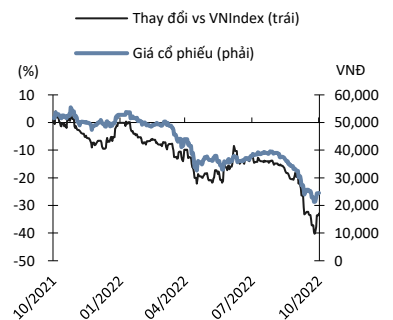
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	77.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	156.76
Sở hữu nước ngoài (%)	22.5%
Cơ cấu cổ đông	MSN
	(14.96%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-24.5	-35.2	-44.2	-52.4
Tương đối	-16.5	-23.7	-25.5	-33.2



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Vingroup (VIC)

Lợi nhuận cao từ mảng Bất động sản

Vingroup đã công bố KQKD Quý 3/2022 với doanh thu đạt 28,742 tỷ VND (-5%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 947 tỷ VND (so với mức lỗ -377 tỷ trong quý 3/2021). Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu của VIC đạt 60,356 tỷ VND (-34%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 6,793 tỷ VND (+113%YoY).

Dự án The Empire bắt đầu được bàn giao theo đúng kế hoạch, hoạt động cho thuê BĐS tiếp tục hồi phục mạnh mẽ.

- Doanh thu quý 3/2022 của riêng Vinhomes (bao gồm cả doanh thu bán buôn và BCC) đạt 30,784 tỷ VND (+39%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 14,494 tỷ VND (+31%YoY) nhờ (1) Bàn giao 1,300 sản phẩm thấp tầng tại dự án The Empire và (2) Các giao dịch bán buôn phân khu cao tầng tại dự án The Empire và The Crown được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh số bán và chưa ghi nhận doanh thu đến cuối quý 3/2022 tăng mạnh đạt 124.7 nghìn tỷ VND (+192%YoY) nhờ mở bán dự án Vinhomes The Empire.
- Tính đến hết quý 3/2022, Vinhomes đã bán được 93% số căn mở bán tại dự án The Empire. Như vậy, trong 9 tháng đầu năm, doanh số bán hàng của Vinhomes đạt 110 nghìn tỷ VND, đạt 92% kế hoạch doanh nghiệp đặt ra. Doanh số bán và chưa ghi nhận doanh thu đến cuối quý 3/2022 tăng mạnh đạt 124.7 nghìn tỷ VND (+192%YoY) nhờ mở bán dự án The Empire. Vào ngày 10/10, Vinhomes đã ra mắt dự án Vinhomes Ocean Park 3 – The Crown (trước là Vinhomes Đại An) có diện tích gần 300ha. 800/1000 căn mở bán đợt đầu tiên đã được đặt cọc trong vòng 3 ngày với giá bán trung bình là 2,200USD/m² sàn. Ban lãnh đạo chia sẻ rằng, với tiến độ triển khai đúng theo kế hoạch, Vinhomes dự kiến sẽ hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra đầu năm.
- Đối với Vincom Retail: Kết quả kinh doanh quý 3/2022 hồi phục mạnh mẽ so với cùng kỳ, cụ thể doanh thu quý 2/2022 đạt 2,005 tỷ VND (+155% YoY) và LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 793 tỷ VND (gấp 33 lần so với cùng kỳ). KQKD hồi phục so với cùng kỳ do (1) VRE không giải ngân gói hỗ trợ nào cho khách trong quý 3/2022 so với gói hỗ trợ 925 tỷ VND trong Quý 3/2021 khi thị trường bán lẻ hồi phục mạnh mẽ và (2) Mở mới 3 TTTM Smart City, Mỹ Tho và Bạc Liêu. Tính đến hết quý 3/2022, tổng diện tích sàn cho thuê của VRE là 1,75 triệu m² (+3%YoY). Tỷ lệ lấp đầy trong quý đạt 84%, tăng 0.3 điểm phần trăm so với cùng kỳ.

Mảng sản xuất: Hoàn tất quá trình chuyển đổi từ sản xuất xe xăng sang xe điện.

- Doanh thu mảng sản xuất trong quý 3/2022 đạt 2,701 tỷ VND (-24%YoY). Lợi nhuận gộp mảng sản xuất âm 5,711 tỷ VND.
- Trong Quý 3, VinFast bán được 4,300 xe ô tô (-73%YoY) và 13,600 xe máy điện (8% YoY). VinFast đã bàn giao đợt đầu tiên xe ô tô điện VF8 tại Việt Nam trong tháng 9/2022 và dự kiến sẽ bàn giao tại thị trường Mỹ trong tháng 12 và tại Châu Âu trong năm 2023. Trong Quý, công ty cũng giới thiệu mẫu xe máy điện mới Evo200, ghi nhận số lượng đơn đặt hàng lên tới 18,000 trong vòng 48h.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

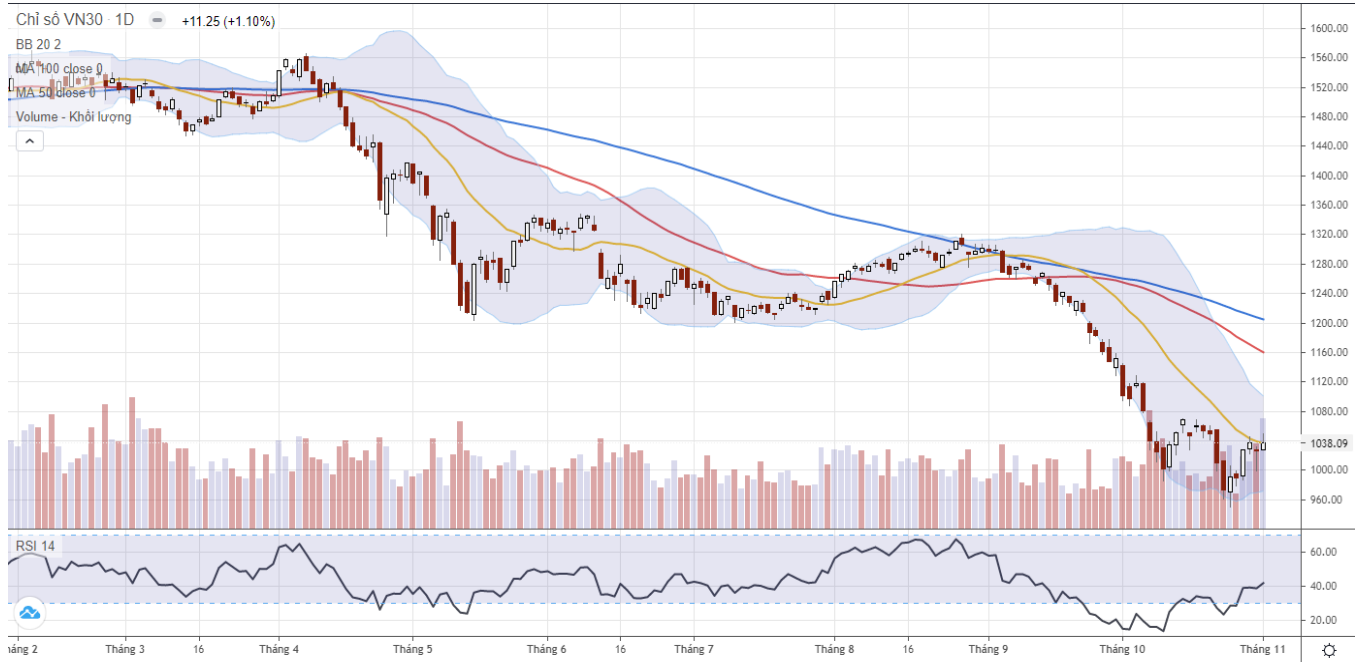
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



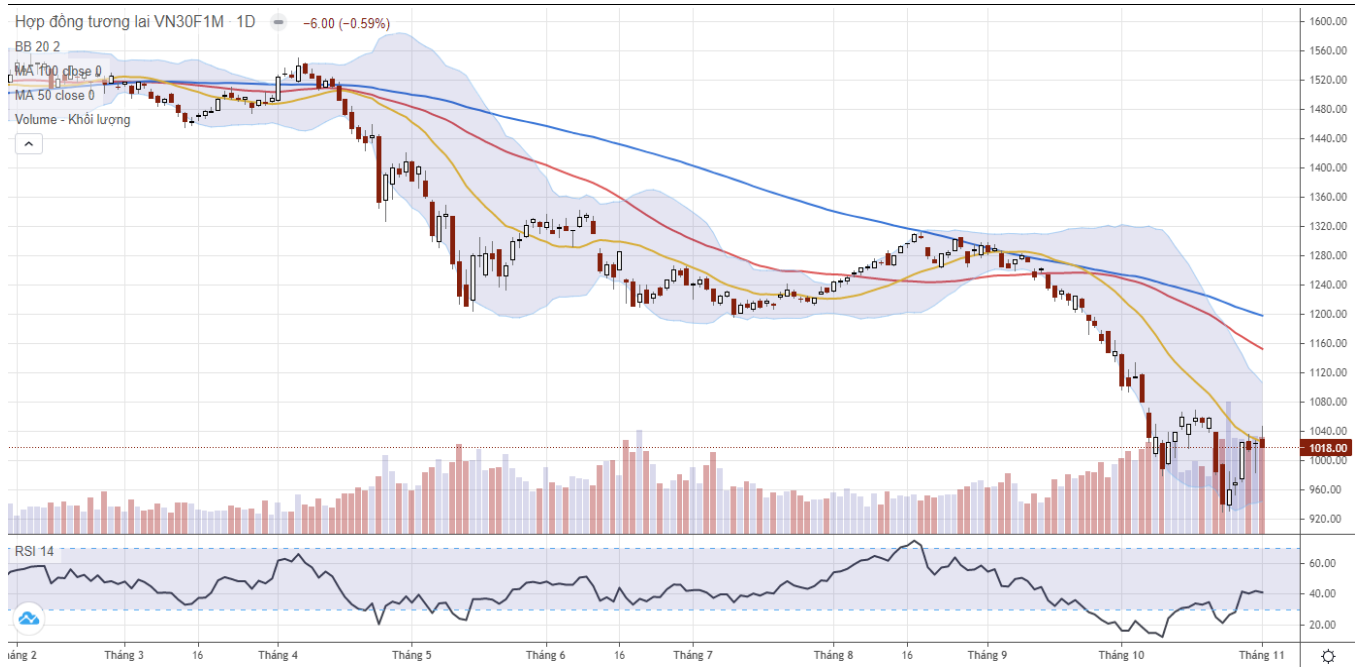
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm đầu phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Vùng cản gần quanh 1040 (+5), tương ứng với MA20, đã cho phản ứng và khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù cơ hội mở rộng nhịp hồi phục vẫn hiện hữu, VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua những diễn biến rung lắc trong phiên kế tiếp nhằm thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn với vùng hỗ trợ gần được đặt quanh 1020 (+5).
- NĐT được khuyến nghị chỉ mở mua mới quanh các vùng hỗ trợ đối với các mã mục tiêu nhưng khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1053 - 1058

Kháng cự gần: 1032 - 1037

Hỗ trợ gần: 1010 - 1014

Hỗ trợ xa: 993 - 997

- F1 tăng điểm giảm co trong phiên trước khi dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Vùng cản gần quanh 1040 (+5) đã cho phản ứng và khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù cơ hội mở rộng nhịp hồi phục vẫn hiện hữu, F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua những diễn biến rung lắc trong phiên kế tiếp nhằm thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn với vùng hỗ trợ gần được đặt quanh 101x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục gia tăng vị thế LONG quanh các ngưỡng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

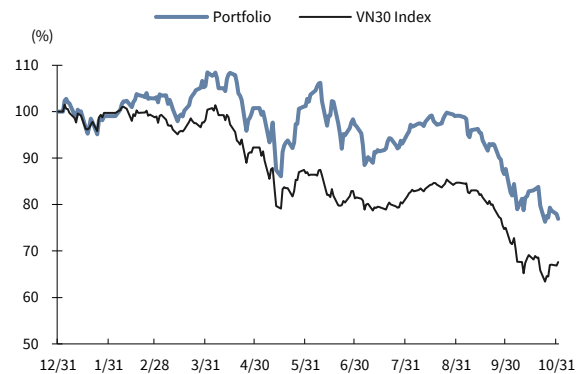
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.10%	-1.31%
Tăng lũy kế (YTD)	-32.40%	-23.07%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 01/11/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	50,100	-2.9%	33.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	17,700	0.0%	-37.9%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	101,600	-1.6%	34.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	145,300	0.1%	-24.4%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	77,000	-2.5%	167.2%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	75,500	-0.1%	211.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viên thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	24,450	-0.6%	30.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	110,000	-1.0%	51.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	15,000	-4.2%	40.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	17,450	-0.3%	70.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	0.0%	22.9%	42.2
VRE	6.7%	31.6%	28.2
VCI	1.0%	17.2%	23.6
DIG	6.8%	3.3%	15.1
FRT	-1.3%	22.4%	14.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-4.2%	19.9%	-531.0
KBC	-0.3%	18.4%	-120.2
STB	4.6%	20.4%	-45.3
SSI	4.0%	34.4%	-35.7
GEX	0.0%	8.8%	-30.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.5%	11.7%	1.4
PCG	8.8%	46.4%	0.7
IDC	2.7%	0.4%	0.5
BVS	1.8%	7.1%	0.4
NDX	1.8%	3.1%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
L14	2.8%	0.6%	-4.6
THD	0.0%	1.2%	-0.6
DDG	-1.0%	0.0%	-0.4
TNG	4.4%	4.6%	-0.3
HUT	4.2%	0.8%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	14.6%	TNH, JVC, VMD
Thực phẩm	9.4%	VNM, MSN, KDC, VHC
Chứng khoán	8.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Ngân hàng	7.9%	VCB, BID, VPB, TCB
Bảo hiểm	5.6%	BVH, MIG, BIC, BMI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	-11.6%	HPG, HSG, NKG, KSB
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	-7.5%	PVD, PVT
Giấy & lâm sản	-3.4%	DHC, HAP, HHP, VID
Bao bì & đóng gói	-2.8%	TDP, SVI, MCP, TPC
Tiện ích điện	-2.4%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vận tải hàng không & Logistics	3.6%	TMS, SCS, STG, ASG
Ngành chưa phân loại	0.0%	CKG, PSH, NHH, ABS
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC
Tiện ích khí	0.0%	GAS, PGD, PMG
Ngân hàng	-0.8%	VCB, BID, VPB, TCB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	-28.7%	HPG, HSG, NKG, KSB
Máy móc	-26.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Xây dựng và kỹ thuật	-25.4%	DIG, HDG, VCG, PC1
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-22.0%	TNH, JVC, VMD
Chứng khoán	-19.3%	SSI, VND, HCM, VCI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	77,381 (3.2)	22.5	22.6	21.1	14.7	8.8	9.2	2.0	1.8	0.0	-1.2	0.7	-41.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	153,383 (6.3)	26.6	6.3	5.3	35.9	22.2	22.0	1.3	1.1	0.0	0.9	11.2	-45.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	36,099 (1.5)	17.8	24.1	16.4	-7.6	7.8	10.6	1.8	1.7	6.7	14.1	-6.3	-12.8
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	164,518 (6.8)	31.3	24.9	20.8	6.7	14.1	15.2	3.4	3.0	0.0	-6.7	17.6	-23.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	55,547 (2.3)	11.6	11.5	11.0	13.7	13.0	12.4	1.3	1.2	0.4	8.6	18.7	-50.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	143,663 (5.9)	13.9	9.3	7.4	-	10.4	11.5	0.7	0.7	2.9	11.2	29.1	-58.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	80,214 (3.3)	6.3	13.3	11.2	11.7	22.0	22.0	2.6	2.2	2.0	7.3	2.5	-4.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	44,380 (1.8)	12.7	12.0	9.6	-5.3	17.4	18.5	1.7	1.5	-1.4	8.8	0.4	-8.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	218,636 (9.0)	0.0	4.2	3.6	14.3	20.9	19.5	0.8	0.7	4.3	20.4	21.1	-48.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	132,388 (5.4)	1.4	6.6	5.6	50.3	18.5	19.6	1.1	1.0	-0.6	8.9	5.4	-27.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	218,431 (9.0)	0.0	6.2	6.2	18.8	19.7	16.9	1.1	0.9	5.2	11.3	-4.4	-27.9
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	219,176 (9.0)	0.0	4.7	4.1	14.6	24.5	22.9	1.0	0.8	1.7	9.8	10.0	-25.3
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	33,130 (1.4)	4.2	5.3	4.7	23.3	23.1	21.6	1.1	0.9	1.2	3.8	13.3	-32.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	339,373 (14.0)	14.0	7.9	2.6	26.5	12.5	24.9	0.8	0.6	4.6	13.4	18.0	-46.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	63,502 (2.6)	0.0	5.6	4.4	37.4	21.6	21.5	1.1	0.9	5.3	8.2	12.8	-46.9
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	58,128 (2.4)	0.2	16.9	14.4	27.3	16.0	16.2	2.2	1.9	-2.7	-7.7	5.3	6.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	46,808 (1.9)	21.0	18.5	15.1	15.8	9.9	11.5	1.7	1.7	1.0	6.0	-0.9	-5.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,842 (0.3)	14.2	12.2	10.9	9.1	12.8	13.6	1.3	1.2	-2.2	5.7	13.2	-44.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	298,146 (12.2)	55.4	10.2	9.3	-3.2	15.2	13.1	-	-	4.0	12.6	14.4	-65.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	168,026 (6.9)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	1.0	11.6	10.0	-52.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	93,641 (3.8)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	1.5	15.9	15.1	-54.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	294,736 (12.1)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	2.6	3.1	32.6	-64.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	140,113 (5.8)	42.1	19.1	17.1	4.0	27.7	29.6	4.9	4.7	2.2	5.5	10.9	-7.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	29,273 (1.2)	36.9	23.7	20.4	7.3	22.3	22.9	4.9	4.3	-0.9	-2.2	-0.8	21.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	112,972 (4.6)	16.5	21.8	15.7	-51.9	15.1	17.9	3.2	2.7	1.2	15.3	12.6	-39.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	19,819 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.2	0.5	26.9	-66.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	34,197 (1.4)	11.0	44.9	28.5	-88.5	7.5	16.4	-	-	-1.2	-1.6	-4.1	-17.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	42,513 (1.8)	10.8	15.6	14.1	-57.0	13.7	13.9	2.0	1.9	0.7	8.6	-3.6	-2.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	77,160 (3.2)	38.4	5.4	29.2	65.7	14.3	2.4	0.7	0.7	3.9	3.3	18.3	-65.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	155,343 (6.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.0	14.0	29.5	-67.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	22,862 (0.9)	3.6	38.1	7.6	-52.4	1.0	4.8	-	-	-0.5	3.5	27.4	-61.7
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	34,030 (1.4)	0.0	10.8	10.7	-4.5	16.4	15.3	1.5	1.4	-2.5	-1.9	0.0	28.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	39,317 (1.6)	46.1	15.1	16.0	-17.5	24.5	21.0	3.6	3.2	-1.0	2.6	0.0	14.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	37,299 (1.5)	31.4	10.2	9.9	-10.5	18.2	16.8	1.6	1.5	2.8	-0.8	-8.3	-0.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,425 (0.1)	34.1	17.3	7.8	-5.1	4.7	9.9	1.0	0.9	-2.0	-0.7	10.9	-38.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	555,361 (22.8)	18.0	3.8	3.2	21.9	22.5	21.6	0.8	0.7	-4.2	12.3	29.2	-58.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	136,148 (5.6)	36.5	3.7	5.4	-0.5	40.1	23.5	1.3	1.1	0.8	-2.8	-6.8	-12.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	152,887 (6.3)	46.5	5.0	7.6	-4.5	41.5	22.9	1.8	1.6	-2.1	1.1	-4.2	-12.0
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	142,806 (5.9)	38.9	4.9	4.2	67.9	11.8	12.9	0.5	0.5	2.2	-6.4	21.3	-62.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	20,165 (0.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.8	5.6	21.5	-61.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	33,734 (1.4)	4.6	19.3	10.5	-51.0	6.3	11.7	1.2	1.9	2.1	3.9	11.6	-46.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	195,630 (8.0)	39.9	116.3	15.0	-11.9	0.3	4.2	0.6	0.6	-5.8	14.5	18.2	-27.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	28,645 (1.2)	35.9	7.3	7.3	2.2	13.1	12.2	-	0.7	3.3	5.5	12.0	-28.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	168,384 (6.9)	0.0	13.2	9.6	14.4	24.6	28.5	2.5	2.0	-2.9	-3.7	21.7	-26.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	32,089 (1.3)	0.0	14.1	12.2	2.4	24.2	21.7	2.8	2.4	-1.6	0.0	-5.0	5.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,077 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-3.3	-7.5	37.9	-53.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	142,334 (5.8)	30.3	18.0	14.4	-75.2	27.8	25.6	4.2	3.2	-1.3	4.8	10.1	20.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	25,820 (1.1)	34.6	6.9	5.9	41.2	28.8	23.5	1.6	1.4	0.1	5.8	26.6	-43.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	909 (0.0)	45.4	13.5	12.4	10.7	21.3	20.6	-	-	-0.9	-3.7	-0.4	-24.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	91,755 (3.8)	0.0	15.5	12.6	15.5	28.5	29.0	4.0	3.3	-0.1	3.1	-6.2	-2.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.